

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HẢI DƯƠNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 52/2017/NQ-HĐND

Hải Dương, ngày 13 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định mức phụ cấp, khoán số lượng, định mức kinh phí chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, khu dân cư; khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hải Dương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 76/TTr-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức phụ cấp, khoán số lượng, định mức kinh phí chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, khu dân cư; khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

1.1. Chức danh, số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1.1.1. Chức danh:

- Đối với xã, thị trấn loại 1, loại 2 có 21 chức danh; xã, thị trấn loại 3 bố trí như xã, thị trấn loại 1, loại 2 nhưng không bố trí chức danh Phó Trưởng ban Thú y (*Chi tiết tại Phụ lục số 01*);

- Đối với phường có 20 chức danh (*Chi tiết tại Phụ lục số 02*);

1.1.2. Số lượng:

- Đối với xã, thị trấn bố trí tối đa không quá 13 người đảm nhiệm 21 chức danh;

- Đối với phường bố trí tối đa không quá 12 người đảm nhiệm 20 chức danh; Phường loại 1 được bố trí thêm 01 chức danh Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự; Phường có trên 10 tổ dân phố được bố trí thêm 01 chức danh Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố; Phường không có tổ chức Hội Nông dân không bố trí chức danh Phó Chủ tịch Hội Nông dân.

(*Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo*).

1.1.3. Các chức danh kiêm nhiệm

(*Chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo*)

1.2. Chức danh, số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu dân cư

1.2.1. Chức danh:

(*Chi tiết tại Phụ lục số 04 kèm theo*).

1.2.2. Số lượng:

Mỗi thôn, KDC bố trí tối đa không quá 04 người để đảm nhiệm 7 chức danh; thôn có trên 500 hộ gia đình và khu dân cư có trên 600 hộ gia đình bố trí thêm 01 Phó trưởng thôn, khu dân cư.

1.2.3. Các chức danh kiêm nhiệm

(*Chi tiết tại Phụ lục số 05 kèm theo*).

1.3. Quy định về mức phụ cấp, mức khoán định mức kinh phí chi phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã; phường, thị trấn; thôn, khu dân cư.

1.3.1. Mức phụ cấp tính theo hệ số của mức lương cơ sở.

(*Chi tiết tại Phụ lục số 06 kèm theo*).

1.3.2. Khoán kinh phí

a) **Đối với cấp xã:** khoán theo mức lương cơ sở (bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế):

Xã, thị trấn loại 1, loại 2 là 15,05; xã, thị trấn loại 3 là 14,60; phường loại 1 là 13,30; phường loại 2, loại 3 là 12,10.

b) Đối với thôn, khu dân cư: khoán theo mức lương cơ sở (bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế):

- Kinh phí khoán đối với thôn:

+ Thôn dưới 1.000 dân: có 01 Phó Trưởng thôn hệ số 4,17; 02 Phó Trưởng thôn hệ số 4,80;

+ Thôn từ 1.000 đến 2.500 dân: có 01 Phó Trưởng thôn hệ số 4,37; 02 Phó Trưởng thôn hệ số 4,98;

+ Thôn từ 2.500 đến 4.000 dân có 02 Phó Trưởng thôn hệ số 5,15;

+ Thôn có trên 4.000 dân có 02 Phó Trưởng thôn hệ số 5,33.

- Kinh phí khoán đối với khu dân cư:

+ KDC dưới 1.000 dân: có 01 Phó Trưởng khu dân cư hệ số 3,80; 02 Phó Trưởng khu dân cư hệ số 4,53;

+ KDC từ 1.000 đến 2.500 dân: 01 Phó Trưởng khu dân cư hệ số 3,95; 02 Phó Trưởng khu dân cư hệ số 4,68;

+ KDC từ 2.500 đến 4.000 dân có 02 Phó Trưởng khu hệ số 4,83;

+ KDC có trên 4.000 dân có 02 Phó Trưởng khu hệ số 4,98.

c) Phụ cấp kiêm nhiệm:

- Cán bộ, công chức kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách ở cấp xã và thôn, khu dân cư được hưởng 30% mức phụ cấp của các chức danh kiêm nhiệm nhưng không thấp hơn 0,2 mức lương cơ sở.

- Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, khu dân cư kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách được hưởng 50% mức phụ cấp của các chức danh kiêm nhiệm.

- Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh được hưởng kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định phê chuẩn, bổ nhiệm thêm chức danh khác hoặc quyết định việc kiêm nhiệm chức danh và không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Giao quyền chủ động sử dụng kinh phí khoán cho cấp xã đảm bảo chi phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở xã, thôn, KDC.

1.4. Khoán kinh phí hoạt động cho MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; thôn, khu dân cư

1.4.1. Đối với cấp xã:

- Cấp xã loại 1: 10 triệu đồng/tổ chức/năm;
- Cấp xã loại 2: 9 triệu đồng/tổ chức/năm;
- Cấp xã loại 3: 8 triệu đồng/tổ chức/năm.

1.4.2. Đối với thôn, khu dân cư:

- Chi hội thuộc thôn, KDC dưới 1.000 dân: 2,5 triệu đồng/tổ chức/năm;
- Chi hội thuộc thôn, KDC từ 1.000 đến 2.500 dân: 3 triệu đồng/tổ chức/năm;
- Chi hội thuộc thôn, KDC từ 2.500 đến 4.000 dân: 3,5 triệu đồng/tổ chức/năm;
- Chi hội thuộc thôn, KDC từ trên 4.000 dân: 4 triệu đồng/tổ chức/năm.

(Trong đó: 60% phụ cấp của chi hội trưởng và 40% chi cho hoạt động)

1.5. Chế độ chính sách

- Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã; thôn, khu dân cư nghỉ do sắp xếp, tinh giản theo Quyết định này được hưởng 03 tháng mức phụ cấp hiện hưởng và được hỗ trợ đóng tiền bảo hiểm y tế theo quy định cho đến ngày 31/12 của năm mà đối tượng thôi tham gia công tác. Trường hợp tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, được thực hiện chính sách theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

- Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu dân cư (trừ người đang hưởng chế độ hưu và nghỉ mất sức lao động) đang công tác nếu từ trần thì người lo mai táng được hưởng chế độ mai táng phí 3.000.000 đồng/người.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.
2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết.
3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 75/2013/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; thôn, khu dân cư.

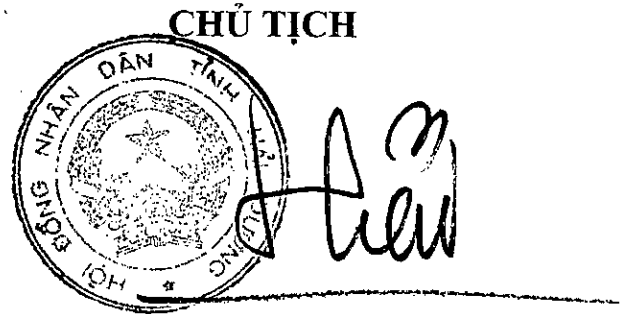
4. Đối với một số chức danh chưa giảm ngay theo lộ trình (*số lượng công an viên, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc*) trong tổng số mức khoán định mức kinh phí chi phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; thôn, khu dân cư, giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng điều khoản chuyển tiếp thi hành.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 12 năm 2017. /.

Nơi nhận:

- Ủy Ban Thường vụ QH;
 - Thủ tướng Chính phủ;
 - Bộ Nội vụ;
 - Bộ Tư pháp (*Cục kiểm tra VB*);
 - Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
 - Đoàn ĐBQH tỉnh;
 - TT HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
 - Các đại biểu HĐND tỉnh;
 - VP: Tỉnh ủy, ĐĐBQH tỉnh, UBND tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành liên quan;
 - Lãnh đạo và CV Văn phòng HĐND tỉnh;
 - TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
 - Báo Hải Dương, Công báo tỉnh;
 - Lưu VT.
- } (để báo cáo)



Nguyễn Mạnh Hiến



Phụ lục 01

Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, thị trấn

(Kèm theo Nghị quyết số 52/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017

của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

- 1- Trưởng ban Tuyên giáo;
- 2- Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra;
- 3- Trưởng khối Dân vận;
- 4- Trưởng ban Thanh tra nhân dân;
- 5- Phó Trưởng ban Tuyên giáo;
- 6- Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra;
- 7- Ủy viên Ủy ban Kiểm tra;
- 8- Phó trưởng Công an;
- 9- Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự;
- 10- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc;
- 11- Phó Bí thư Đoàn Thanh niên;
- 12- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- 13- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- 14- Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
- 15- Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;
- 16- Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- 17- Trưởng Đài Truyền thanh;
- 18- Phó Trưởng Đài Truyền thanh;
- 19- Trưởng ban Thú y;
- 20- Phó Trưởng ban Thú y;
- 21- Công an viên làm nhiệm vụ thường trực ở xã (02 người)/.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Phụ lục 02

Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở phường

*(Kèm theo Nghị quyết số 52/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)*

- 1- Trưởng ban Tuyên giáo;
- 2- Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra;
- 3- Trưởng khối Dân vận;
- 4- Trưởng ban Thanh tra nhân dân;
- 5- Phó Trưởng ban Tuyên giáo;
- 6- Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra;
- 7- Ủy viên Ủy ban Kiểm tra;
- 8- Chỉ huy phó Ban chỉ huy Quân sự;
- 9- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc;
- 10- Phó Bí thư Đoàn Thanh niên;
- 11- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- 12- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- 13- Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
- 14- Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;
- 15- Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- 16- Trưởng Đài Truyền thanh;
- 17- Phó Trưởng Đài Truyền thanh;
- 18- Trưởng ban Thú y;
- 19- Trưởng ban Bảo vệ dân phố;
- 20- Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Phụ lục 03

Các chức danh kiêm nhiệm ở cấp xã

(Kèm theo Nghị quyết số 52/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017

của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

- 1- Bí thư Đảng ủy kiêm Trưởng ban Tuyên giáo;
- 2- Phó Bí thư thường trực Đảng ủy phụ trách công tác tổ chức kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra và Trưởng khối Dân vận;
- 3- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc kiêm Trưởng ban Thanh tra nhân dân;
- 4- Ủy viên Ủy ban Kiểm tra do những người hoạt động không chuyên trách kiêm;
- 5- Đối với cấp phó của MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội, mỗi chức danh chỉ bố trí 01 người. Định hướng bố trí kiêm nhiệm các chức danh:
Phó trưởng đoàn thể chính trị - xã hội này có thể kiêm Phó trưởng đoàn thể chính trị - xã hội khác hoặc kiêm Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ, Chủ tịch Hội người cao tuổi, Phó ban Tuyên giáo; Phó trưởng Đài Truyền thanh xã (nếu có chuyên môn phù hợp); có thể kiêm Bí thư Chi bộ hoặc Trưởng, Phó thôn, khu dân cư;
- 6- Cán bộ, công chức cấp xã định hướng bố trí kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách cấp xã và thôn, khu dân cư./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Phụ lục 04

Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, KDC

*(Kèm theo Nghị quyết số 52/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)*

- 1- Bí thư chi bộ;
- 2- Trưởng thôn, Trưởng khu dân cư;
- 3- Phó Trưởng thôn, khu dân cư;
- 4- Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, khu dân cư;
- 5- Công an viên, Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố (đối với KDC thuộc phường);
- 6- Thôn, khu đội trưởng;
- 7- Nhân viên Y tế thôn, khu dân cư./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Phụ lục 05

Các chức danh kiêm nhiệm ở thôn, KDC

*(Kèm theo Nghị quyết số 52/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)*

- 1- Bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, KDC hoặc Trưởng Ban công tác Mặt trận.
- 2- Trưởng thôn, KDC hoặc phó thôn, KDC kiêm thôn đội trưởng...
- 3- Phó thôn, KDC kiêm Công an viên hoặc Trưởng Ban công tác Mặt trận
(trong trường hợp bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, KDC);
- 4- Phó thôn, KDC kiêm công an viên hoặc Tổ trưởng bảo vệ dân phố...

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Phụ lục 06

Mức phụ cấp tính theo hệ số của mức lương cơ sở

*(Kèm theo Nghị quyết số 52/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)*

- 1- Mức phụ cấp 1,3 gồm: Phó Trưởng công an; Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, khu dân cư có trên 4.000 dân;
- 2- Mức phụ cấp 1,2 gồm: Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự; Trưởng ban Thú y; Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, khu dân cư có từ 2.500 đến 4.000 dân;
- 3- Mức phụ cấp 1,1 gồm: Trưởng Đài truyền thanh; Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, khu dân cư có từ 1.000 đến 2.500 dân;
- 4- Mức phụ cấp 1,05 gồm: Công an viên ở thôn có trên 4.000 dân;
- 5- Mức phụ cấp 1,0 gồm: Công an viên làm nhiệm vụ thường trực ở xã, thị trấn; Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, khu dân cư có dưới 1.000 dân; Công an viên ở thôn có từ 2.500 đến 4.000 dân;
- 6- Mức phụ cấp 0,95 gồm: Công an viên ở thôn có từ 1.000 - 2.500 dân;
- 7- Mức phụ cấp 0,9 gồm: Phó Trưởng ban Thú y; Phó Trưởng Đài truyền thanh; Công an viên ở thôn có dưới 1.000 dân;
- 8- Mức phụ cấp 0,75 gồm: Trưởng ban Tuyên giáo; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra, Trưởng khối dân vận;
- 9- Mức phụ cấp 0,7 gồm: Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy; Phó Trưởng ban Tuyên giáo; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Phó Bí thư Đoàn thanh niên; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Phó Chủ tịch Hội Nông dân; Chủ tịch Hội Chũ thập đỏ; Chủ tịch Hội Người cao tuổi; Phó trưởng thôn, khu dân cư; thôn, khu đội trưởng;
- 10- Mức phụ cấp 0,5 gồm: Trưởng ban Thanh tra nhân dân; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy; Trưởng ban Bảo vệ dân phố; Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, khu dân cư;
- 11- Mức phụ cấp 0,35 gồm: Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố; Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố, nhân viên y tế thôn, khu dân cư. Riêng nhân viên y tế thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ mức phụ cấp là 0,55./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG